

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ - ST

Ngày 25 - 11 - 2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN. TỈNH VĨNH PHÚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thái

2. Bà Lê Thị Bích Thuần

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Nhật Mai; Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Vũ Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2019/QĐXXST -HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Ngọc H, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc “có mặt”.

2. *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Hồng L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 9 năm 2019, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Lê Ngọc H trình bày:

Ông và bà L trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Sơn, huyện Bình Xuyên, đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 3 năm 1990. Sau khi kết hôn ông bà sống ở thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc. Đến tháng 9 năm 2017, hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm về tình cảm và kinh tế, không có tiếng nói chung trong

cuộc sống. Bà L đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan nhiều lần, không được sự đồng ý của ông. Lần đầu bà đi từ năm 2003 đến năm 2006, lần sau bà đi từ năm 2014 đến năm 2017, ông không đồng ý cho bà đi nhưng bà vẫn đi, bà L không chịu ở nhà để chăm sóc gia đình, con cái. Ông và bà L đã nhiều lần trao đổi trò chuyện nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay ông xác định mâu thuẫn giữa ông và bà L đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, tình cảm của ông với bà L không còn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

Về con chung: ông H và bà L có 03 con chung là Lê Thị Huyền T, sinh ngày 08 tháng 9 năm 1991, Lê Thị Hồng N, sinh ngày 28 tháng 3 năm 1993 và Lê Công H, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2001. Hiện nay các con của ông bà đã trưởng thành nên ông không đề nghị giải quyết về con chung.

Về tài sản: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Đỗ Thị Hồng L trình bày: Bà thừa nhận thời gian đăng ký kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống sau khi kết hôn như ông H trình bày ở trên là đúng. Năm 2017, hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H không chung thủy với bà, bà có nghi ngờ ông H có quan hệ tình cảm với người khác nhưng không có bằng chứng gì. Ông H thường xuyên đi qua đêm không về nhà, ông và gia đình có khuyên bảo để ông H sửa chữa khuyết điểm, hai vợ chồng hòa thuận nuôi dạy con cái nhưng ông H không nghe. Bà và ông H đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Ông H đã một lần làm đơn ly hôn, sau đó rút đơn để hai vợ chồng về đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Nay ông H làm đơn ly hôn, bà vì không muốn con cái bị ảnh hưởng tâm lý nên bà không đồng ý ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà xác nhận bà và ông H có 03 con chung như ông H khai, hiện nay cả ba con của bà và ông H đã trưởng thành nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng mối quan hệ có tranh chấp, xác định đúng tư cách đương sự, lập hồ sơ vụ án, cho các đương sự trình bày, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đầy đủ, thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc H và cho ông Lê Ngọc H được ly hôn với bà Đỗ Thị Hồng L.

Về nuôi con chung: Ông H và bà L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án xin ly hôn, do các đương sự đều cư trú tại thôn C, xã H, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ngày 21 tháng 11 năm 2019 Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên đã mở phiên toà theo quy định, bà L vắng mặt nên Toà án đã hoãn phiên toà. Ngày 25 tháng 11 năm 2019 Toà án tiếp tục mở lại phiên toà, ông H và bà L đều có mặt nên Toà án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Lê Ngọc H và bà Đỗ Thị Hồng L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Sơn, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 28 tháng 3 năm 1990 đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn ông H, bà L chung sống hạnh phúc đã sinh được 03 con chung. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, bắt đầu từ năm 2017 nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm về tình cảm và kinh tế, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Bà L đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan nhiều lần, ông H không đồng ý cho bà đi nhưng bà vẫn đi. Bà L cũng nghi ngờ ông H không chung thủy. Ông H và bà L đã nhiều lần trao đổi trò chuyện nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Ông H đã một lần làm đơn ly hôn, sau đó rút đơn để hai vợ chồng về đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Về phía bà L không đồng ý ly hôn nhưng bà L không đưa ra được biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng, hai người đã không còn ăn chung, ở chung với nhau từ năm 2017 đến nay. Qua xác minh ở địa phương thấy rằng mâu thuẫn giữa hai ông bà đã trầm trọng, không thể hàn gắn được. Nay ông H kiên quyết ly hôn, xét thấy mâu thuẫn giữa ông H và bà L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần giải quyết cho ông Lê Ngọc H được ly hôn với bà Đỗ Thị Hồng L theo đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Về nuôi con chung: Hiện nay các con của ông Lê Ngọc H và bà Đỗ Thị Hồng L đã trưởng thành nên ông, bà không đề nghị giải quyết về con chung.

[5] Về chia tài sản: Ông H và bà L không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Lê Ngọc H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ông Lê Ngọc H ly hôn bà Đỗ Thị Hồng L.

2. Về án phí: Ông Lê Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2017/0006279 ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Bình Xuyên; ông Lê Ngọc H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Ủy ban nhân dân xã Hương Sơn;
- Lưu HS + VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thị Thủy